

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-ST

Ngày: 29-10-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thành**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Nguyễn Công Lý**

2/. Ông **Phạm Thanh Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Mỹ Anh** –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Nguyệt Hân** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2018 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân N, xã Lâm T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Ông **Bùi Phước T** (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân N, xã Lâm T, huyện Thanh T tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Kiều X (Nguyễn Thị X)** (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân N, xã Lâm T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 2 năm 2018 và lời trình bày của nguyên đơn vụ án có nội dung như sau:

Từ năm 2013 đến năm 2016 bị đơn Bùi Phước T có mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu của nguyên đơn còn nợ số tiền là 281.357.000 đồng.

Ngày 16/4/2014 tại tổ hòa giải ấp Tân N, xã Lâm T, bị đơn Bùi Phước T thừa nhận còn nợ nguyên đơn 281.357.000 đồng và hẹn đến tháng 6/2017 trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, số còn lại trả theo từng vụ lúa.

Do bị đơn không trả theo thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu của nguyên đơn còn nợ số tiền là 281.357.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn Bùi Phước T sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 63/TB-TLVA ngày 12/3/2018 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không ghi ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án. Do xác định bà Nguyễn Thị Kiều X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên Tòa án đã ban hành Thông báo số 63-1/TB-TLVA ngày 09/7/2018 về đưa người tham gia tố tụng và đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Kiều X, nhưng bà X không có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã tổng đạt hợp lệ 02 lần, nhưng bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án lập biên bản không hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Bùi Phước T trả tiền mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ nên tranh chấp giữa các đương sự là: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo qui định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp Tân N, xã Lâm T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[2] Bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 281.357.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là: Biên bản hòa giải ngày 16/4/2017 của tổ hòa giải ấp Tân N, xã Lâm T, tại cuộc hòa giải có sự tham gia của bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X thì bị đơn và người liên quan thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ nguyên đơn 281.357.000 đồng; 02 giấy nhận nợ ngày 13/12/2014 thể hiện bị đơn và người liên quan nợ nguyên đơn 66.538.000 đồng và 50.000.000 đồng; sổ mua vật tư nông nghiệp tính đến tháng 11/2016 bị đơn nợ nguyên đơn 281.357.000 đồng. Ngoài ra, tại các biên bản xác minh ngày 05/4/2018 ông Dương Văn T xác định ông là người tổ chức hòa giải vào ngày 16/4/2017, tại cuộc hòa giải ông T và bà X thừa nhận còn nợ nguyên đơn tiền mua vật tư phân bón, thuốc trừ sâu là 281.357.000 đồng và tại các biên bản xác minh ngày 16/7/2018 ông Nguyễn Văn T và ông Phạm Văn C cũng xác định các ông là thành viên tổ hòa giải và tại cuộc hòa giải ngày 16/4/2017 ông T và bà X thừa nhận còn nợ nguyên đơn tiền mua vật tư phân bón, thuốc trừ sâu là 281.357.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kèm theo các chứng cứ, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Ngoài ra, căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh có cơ sở xác định bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X có mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ nguyên đơn Phạm Thị N tổng cộng là 281.357.000 đồng. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X có quan hệ là vợ chồng với bị đơn Bùi Phước T, việc bị đơn mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu là để sử dụng cho sản xuất của gia đình nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X có nghĩa vụ cùng liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị N buộc bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X cùng liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 281.357.000 đồng cho nguyên đơn và tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị N, buộc bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 281.357.000 đồng cho nguyên đơn Phạm Thị N. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người liên quan phải liên chịu án phí dân sự sơ thẩm (281.357.000 đồng x 5%) là: 14.068.000 đồng (mười bốn triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng) (được làm tròn số) theo qui định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 tương ứng Điều 430; 440, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị N

1. Buộc bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X (Nguyễn Thị X) liên đới trả tiền mua vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 281.357.000 đồng (hai trăm tám mươi một triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng) cho nguyên đơn Phạm Thị N. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X (Nguyễn Thị X) cùng liên đới nộp 14.068.000 đồng (mười bốn triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng), hoàn trả cho nguyên đơn Phạm Thị N 7.034.000 đồng (bảy triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009137 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn Bùi Phước T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều X (Nguyễn Thị X) thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành